

Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Bến Thành

Báo cáo tài chính

Cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 1 năm 2014 đến ngày 31 tháng 3 năm 2015

MỤC LỤC

	Trang
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính	11 - 43

Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Bến Thành

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Bến Thành ("Công ty") tiền thân là Công ty TNHH Một Thành viên Dịch vụ Du lịch Bến Thành - một doanh nghiệp Nhà nước do Tổng Công ty Bến Thành – TNHH Một Thành viên nắm giữ 100% vốn điều lệ. Theo Quyết định số 7018/QĐ-UBND của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ngày 25 tháng 12 năm 2013, Công ty được chấp thuận cổ phần hóa và thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp là ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Công ty đã hoàn thành việc chào bán 12.750.000 cổ phần, tương đương với 51% vốn điều lệ, ra công chúng vào tháng 1 năm 2015, với số tiền thu được là 267.691.700.000 VNĐ. Theo đó, Công ty chính thức hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần vào ngày 3 tháng 3 năm 2015, theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh thay đổi lần thứ 17 số 0301171827 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ của Công ty sau khi cổ phần hóa là 250.000.000.000 VNĐ và Tổng Công ty Bến Thành – TNHH Một Thành viên nắm giữ 49% vốn điều lệ.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là:

- Kinh doanh dịch vụ du lịch nội địa và quốc tế; kinh doanh dịch vụ lưu trú du lịch gồm khách sạn và kiểu hoi; đại lý thu đổi ngoại tệ; cho thuê văn phòng quầy sạp, cửa hàng kinh doanh; kinh doanh vận chuyển hành khách theo hợp đồng bằng ô tô;
- Kinh doanh karaoke; đại lý bán vé tàu hỏa, bán vé máy bay; dịch vụ tổ chức hội nghị, hội thảo;
- Mua bán vàng bạc đá quý, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), thực phẩm công nghệ, rượu bia, công nghệ phẩm; và
- Đầu tư xây dựng kinh doanh bất động sản.

Công ty có trụ sở chính tại số 82 Đường Calmette, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam và 43 chi nhánh, đơn vị trực thuộc tại các Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội và Đà Nẵng, Cần Thơ.

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Thành viên từ ngày 1 tháng 1 năm 2014 đến ngày 3 tháng 3 năm 2015 như sau:

Ông Nguyễn Ngọc Châu	Chủ tịch	miễn nhiệm ngày 3 tháng 3 năm 2015
Ông Hoàng Tâm Hòa	Thành viên	miễn nhiệm ngày 3 tháng 3 năm 2015
Ông Phạm Văn Công	Thành viên	miễn nhiệm ngày 1 tháng 3 năm 2014
Ông Nguyễn Trần Trọng Nghĩa	Thành viên	miễn nhiệm ngày 3 tháng 3 năm 2015
Ông Nguyễn Hữu Nghĩa	Thành viên	miễn nhiệm ngày 3 tháng 3 năm 2015
Ông Vũ Đình Quân	Thành viên	bổ nhiệm ngày 1 tháng 10 năm 2014
		miễn nhiệm ngày 3 tháng 3 năm 2015

Các thành viên Hội đồng Quản trị từ ngày 3 tháng 3 năm 2015 đến ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Ngọc Châu	Chủ tịch	bổ nhiệm ngày 30 tháng 1 năm 2015
Ông Bùi Tuấn Ngọc	Phó Chủ tịch	bổ nhiệm ngày 30 tháng 1 năm 2015
Ông Hoàng Tâm Hòa	Thành viên	bổ nhiệm ngày 30 tháng 1 năm 2015
Ông Vũ Đình Quân	Thành viên	bổ nhiệm ngày 30 tháng 1 năm 2015
Bà Nguyễn Thị Hương Giang	Thành viên	bổ nhiệm ngày 30 tháng 1 năm 2015
Ông Phan Quang Chất	Thành viên	bổ nhiệm ngày 30 tháng 1 năm 2015
Ông Đỗ Biên Quốc	Thành viên	bổ nhiệm ngày 30 tháng 1 năm 2015

Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Bến Thành

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Trường Bảo Khánh	Trưởng ban	bổ nhiệm ngày 30 tháng 1 năm 2015
Bà Hà Thị Minh Phượng	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Hương Giang	Thành viên	miễn nhiệm ngày 3 tháng 3 năm 2015
Ông Lê Văn Hùng	Thành viên	bổ nhiệm ngày 30 tháng 1 năm 2015

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Hoàng Tâm Hòa	Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 1 tháng 3 năm 2014
Ông Phạm Văn Công	Tổng Giám đốc	miễn nhiệm ngày 1 tháng 3 năm 2014
Ông Nguyễn Hữu Nghĩa	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Đỗ Quốc Thông	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Trần Trọng Nghĩa	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Vũ Đình Quân	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 9 tháng 3 năm 2015

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phạm Văn Công	từ ngày 1 tháng 1 năm 2014 đến ngày 1 tháng 3 năm 2014
Ông Hoàng Tâm Hòa	từ ngày 1 tháng 3 năm 2014 đến ngày lập báo cáo này

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Bến Thành

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Bến Thành ("Công ty") (trước đây là Công ty TNHH Một Thành viên Dịch vụ Du lịch Bến Thành) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 1 năm 2014 đến ngày 3 tháng 3 năm 2015.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng kỳ tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 3 tháng 3 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 1 năm 2014 đến ngày 3 tháng 3 năm 2015 phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 127/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 5 tháng 9 năm 2014, hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần ("Thông tư 127") và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính này được lập cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 1 năm 2014 đến ngày 3 tháng 3 năm 2015, là giai đoạn chuyển đổi hình thức từ công ty Nhà nước thành công ty cổ phần, cho mục đích cổ phần hóa Công ty theo quy định của Thông tư 127. Theo đó, báo cáo tài chính này không phù hợp để sử dụng cho mục đích khác.

Thay mặt Ban Giám đốc:

Hoàng Tâm Hòa
Tổng Giám đốc

Ngày 19 tháng 5 năm 2015

Số tham chiếu: 60950932/16997318-BTT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Bến Thành

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Bến Thành ("Công ty") (trước đây là Công ty TNHH Một Thành viên Du lịch Bến Thành) được lập ngày 19 tháng 5 năm 2015 và được trình bày từ trang 6 đến 43, bao gồm bảng cân đối kế toán vào ngày 3 tháng 3 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 1 năm 2014 đến ngày 3 tháng 3 năm 2015 và các thuyết minh báo cáo tài chính đi kèm.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 127/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 5 tháng 9 năm 2014, hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần ("Thông tư 127") và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như được trình bày tại Thuyết minh số 31 của báo cáo tài chính, Công ty đã ghi nhận một phần khoản lãi do đánh giá lại các tài sản đem đi góp vốn phát sinh trong năm 2011 với số tiền là 21.205.052.819 VNĐ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 thay vì ghi nhận khoản chênh lệch này vào thu nhập khác cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 theo quy định tại Thông tư số 244/2009/TT-BTC – Hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2009 và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam có liên quan. Nếu Công ty ghi nhận khoản lãi trên theo đúng quy định thì thu nhập khác, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành và lợi nhuận sau thuế TNDN cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 giảm lần lượt là 21.205.052.819 VNĐ, 5.301.263.205 VNĐ, và 15.903.789.614 VNĐ.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 3 tháng 3 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 1 năm 2014 đến ngày 3 tháng 3 năm 2015, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư 127 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Tuy không đưa ra ý kiến ngoại trừ, chúng tôi lưu ý đến Thuyết minh số 2.1 và 17.4 của báo cáo tài chính. Công ty đã áp dụng quy định của Thông tư 127 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 1 năm 2014 đến ngày 3 tháng 3 năm 2015, là giai đoạn chuyển đổi hình thức từ công ty Nhà Nước thành công ty cổ phần. Báo cáo tài chính này chỉ được lập cho mục đích cổ phần hóa Công ty theo quy định của Thông tư 127. Theo đó, báo cáo tài chính này không phù hợp để sử dụng cho mục đích khác.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Ernest Young Chin Kang
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 1891-2013-004-1



Lương Kim Diên An
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 2736-2014-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 19 tháng 5 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
vào ngày 3 tháng 3 năm 2015

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 3 tháng 3 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2013
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		503.336.801.929	288.819.987.400
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	5	405.869.458.810	93.030.928.175
111	1. Tiền		285.869.458.810	28.030.928.175
112	2. Các khoản tương đương tiền		120.000.000.000	65.000.000.000
120	II. Khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		-	70.000.000.000
121	1. Đầu tư ngắn hạn		-	70.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		68.614.353.793	100.425.433.882
131	1. Phải thu khách hàng	6	39.518.726.546	21.300.956.685
132	2. Trả trước cho người bán	7	10.775.986.020	17.343.276.695
135	3. Các khoản phải thu khác	8	18.319.641.227	65.718.197.996
139	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	9	-	(3.936.997.494)
140	IV. Hàng tồn kho	10	22.754.508.010	18.625.881.454
141	1. Hàng tồn kho		22.754.508.010	18.625.881.454
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		6.098.481.316	6.737.743.889
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	3.193.354.554	1.857.623.604
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		89.293.704	-
154	3. Thuế và khoản khác phải thu Nhà nước	12	889.356.258	3.891.436.785
158	4. Tài sản ngắn hạn khác		1.926.476.800	988.683.500
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		234.790.589.549	221.376.233.982
220	I. Tài sản cố định		82.905.515.834	69.146.513.260
221	1. Tài sản cố định hữu hình	13	80.921.268.346	48.496.138.220
222	Nguyên giá		152.901.078.862	112.024.611.281
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(71.979.810.516)	(63.528.473.061)
227	2. Tài sản cố định vô hình	14	510.377.324	336.593.768
228	Nguyên giá		1.114.959.801	759.060.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(604.582.477)	(422.466.232)
230	3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	15	1.473.870.164	20.313.781.272
240	II. Bất động sản đầu tư	16	18.548.308.141	-
241	1. Nguyên giá		19.406.894.819	-
242	2. Giá trị khấu hao lũy kế		(858.586.678)	-
250	III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		90.057.016.107	147.785.235.000
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết	17.1	70.947.132.209	85.910.000.000
258	2. Đầu tư dài hạn khác	17.2	19.109.883.898	73.819.235.000
259	3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	17.3	-	(11.944.000.000)
260	IV. Tài sản dài hạn khác		43.279.749.467	4.444.485.722
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	18	42.594.367.992	4.180.354.586
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	33.3	12.856.475	3.106.136
268	3. Tài sản dài hạn khác		672.525.000	261.025.000
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		738.127.391.478	510.196.221.382

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
vào ngày 3 tháng 3 năm 2015

VNĐ

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 3 tháng 3 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2013
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		488.127.391.478	174.687.671.898
310	I. Nợ ngắn hạn		447.084.556.725	156.906.638.277
311	1. Vay ngắn hạn	19	21.405.264.289	13.465.822.495
312	2. Phải trả người bán		13.951.441.920	4.922.966.090
313	3. Người mua trả tiền trước		20.424.661.185	8.335.226.686
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	20	1.569.261.935	13.587.966.370
315	5. Phải trả người lao động		5.165.638.280	37.541.685.761
316	6. Chi phí phải trả	21	2.720.578.608	1.287.427.082
319	7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	22	376.495.114.929	67.512.086.705
323	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	23	5.352.595.579	10.253.457.088
330	II. Nợ dài hạn		41.042.834.753	17.781.033.621
333	1. Phải trả dài hạn khác	24	16.634.458.600	17.300.215.440
334	2. Vay dài hạn	25	3.735.229.846	-
338	3. Doanh thu chưa thực hiện	26	20.673.146.307	480.818.181
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		250.000.000.000	335.508.549.484
410	I. Vốn chủ sở hữu	27.1	250.000.000.000	335.508.549.484
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		250.000.000.000	320.000.000.000
418	2. Quỹ dự phòng tài chính		-	8.148.049.484
420	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		-	7.360.500.000
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		738.127.391.478	510.196.221.382

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

KHOẢN MỤC	Ngày 3 tháng 3 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2013
Ngoại tệ các loại		
- Đô la Mỹ (USD)	340.536	220.201
- Euro (EUR)	5.632	5.645


Đường Ngọc Hương
Người lập


Nguyễn Ngọc Hoài Nguyên
Kế toán trưởng


Hoàng Tâm Hòa
Tổng Giám đốc

Ngày 19 tháng 5 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 1 năm 2014 đến ngày 3 tháng 3 năm 2015

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 1 năm 2014 đến ngày 3 tháng 3 năm 2015	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	28.1	601.873.836.774	455.116.734.171
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	28.1	(544.705.365)	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	28.1	601.329.131.409	455.116.734.171
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	29	(491.621.516.581)	(369.330.467.054)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		109.707.614.828	85.786.267.117
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	28.2	23.825.646.839	19.555.545.495
22	7. Chi phí tài chính	30	(12.834.667.732)	6.177.505.428
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(1.327.112.414)	(792.426.590)
24	8. Chi phí bán hàng		(44.822.594.769)	(34.258.368.281)
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		(46.279.052.755)	(55.710.431.495)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		29.596.946.411	21.550.518.264
31	11. Thu nhập khác	31	5.339.499.276	62.218.452.138
32	12. Chi phí khác	31	(1.777.485.488)	(607.455.573)
40	13. Lợi nhuận khác	31	3.562.013.788	61.610.996.565
50	14. Tổng lợi nhuận trước thuế		33.158.960.199	83.161.514.829
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	33.2	(6.386.578.573)	(19.477.146.992)
52	16. Thu nhập (chi phí) thuế thu nhập hoãn lại	33.3	9.750.339	(7.122.173)
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		26.782.131.965	63.677.245.664

Đường Ngọc Hương
Người lập

Nguyễn Ngọc Hoài Nguyên
Kế toán trưởng

Hoàng Tâm Hòa
Tổng Giám đốc

Ngày 19 tháng 5 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 1 năm 2014 đến ngày 3 tháng 3 năm 2015

VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 1 năm 2014 đến ngày 3 tháng 3 năm 2015	Năm trước
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
	Lợi nhuận trước thuế		33.158.960.199	83.161.514.829
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn tài sản	13, 14, 16	10.651.297.374	7.276.511.877
03	Hoàn nhập các khoản dự phòng		-	(10.223.429.206)
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		-	(5.107.944)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(12.476.943.198)	(18.759.153.854)
06	Chi phí lãi vay	30	1.327.112.414	792.426.590
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		32.660.426.789	62.242.762.292
09	Giảm (tăng) các khoản phải thu		37.311.571.106	(41.910.939.468)
10	Tăng hàng tồn kho		(2.584.763.908)	(425.113.111)
11	Tăng (giảm) các khoản phải trả		206.550.239.723	(25.263.527.193)
12	Tăng chi phí trả trước		(3.147.030.830)	(3.851.078.313)
13	Tiền lãi vay đã trả		(1.327.112.414)	(792.426.590)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	33.2	(18.411.574.364)	(11.285.750.506)
15	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	3.020.877.000
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(15.886.861.509)	(6.459.234.821)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động kinh doanh		235.164.894.593	(24.724.430.710)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(24.474.721.369)	(25.803.182.651)
22	Tiền thu do thanh lý tài sản cố định		2.000.000	134.954.545
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	(167.791.745.187)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		70.000.000.000	180.000.000.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác		(2.480.000.000)	-
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác		12.150.000.000	300.000.000
27	Tiền thu lãi tiền gửi, cho vay và cổ tức nhận được		18.949.735.255	17.235.760.591
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		74.147.013.886	4.075.787.298

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 1 năm 2014 đến ngày 3 tháng 3 năm 2015

VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 1 năm 2014 đến ngày 3 tháng 3 năm 2015	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	18.048.928.902
32	Tiền chi trả vốn góp của chủ sở hữu		(8.148.049.484)	-
33	Tiền vay ngắn hạn nhận được		79.145.500.887	55.047.872.495
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(67.470.829.247)	(50.197.090.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		3.526.622.156	22.899.711.397
50	Tăng tiền và tương đương tiền thuần trong kỳ		312.838.530.635	2.251.067.985
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		93.030.928.175	90.774.151.286
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	5.708.904
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	5	405.869.458.810	93.030.928.175


Đường Ngọc Hương
Người lập


Nguyễn Ngọc Hoài Nguyên
Kế toán trưởng


Hoàng Tâm Hòa
Tổng Giám đốc

Ngày 19 tháng 5 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

vào ngày 3 tháng 3 năm 2015 và cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 1 năm 2014 đến ngày 3 tháng 3 năm 2015

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Bến Thành ("Công ty") tiền thân là Công ty TNHH Một Thành viên Dịch vụ Du lịch Bến Thành - một doanh nghiệp Nhà nước do Tổng Công ty Bến Thành – TNHH Một Thành viên nắm giữ 100% vốn điều lệ. Theo Quyết định số 7018/QĐ-UBND của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ngày 25 tháng 12 năm 2013, Công ty được chấp thuận cổ phần hóa và thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp là ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Công ty đã hoàn thành việc chào bán 12.750.000 cổ phần, tương đương với 51% vốn điều lệ, ra công chúng vào tháng 1 năm 2015, với số tiền thu được là 267.691.700.000 VNĐ. Theo đó, Công ty chính thức hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần vào ngày 3 tháng 3 năm 2015, theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh thay đổi lần thứ 17 số 0301171827 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ của Công ty sau khi cổ phần hóa là 250.000.000.000 VNĐ và Tổng Công ty Bến Thành – TNHH Một Thành viên nắm giữ 49% vốn điều lệ.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là:

- Kinh doanh dịch vụ du lịch nội địa và quốc tế; kinh doanh dịch vụ lưu trú du lịch gồm khách sạn và kiểu hoi; đại lý thu đổi ngoại tệ; cho thuê văn phòng quây sạp, cửa hàng kinh doanh; kinh doanh vận chuyển hành khách theo hợp đồng bằng ôtô;
- Kinh doanh karaoke; đại lý bán vé tàu hỏa, bán vé máy bay; dịch vụ tổ chức hội nghị, hội thảo;
- Mua bán vàng bạc đá quý, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), thực phẩm công nghệ, rượu bia, công nghệ phẩm; và
- Đầu tư xây dựng kinh doanh bất động sản.

Công ty có trụ sở chính tại số 82 Đường Calmette, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam và 43 chi nhánh, đơn vị trực thuộc tại các Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Đà Nẵng và Cần Thơ.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 3 tháng 3 năm 2015 là 505 người (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 429 người).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VNĐ") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 3 tháng 3 năm 2015 và cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 1 năm 2014 đến ngày 3 tháng 3 năm 2015

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng (tiếp theo)

Ngoài ra, cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 1 năm 2014 đến ngày 3 tháng 3 năm 2015, là giai đoạn chuyển đổi hình thức từ công ty Nhà nước thành công ty cổ phần, báo cáo tài chính của Công ty đã được lập và trình bày theo quy định của Thông tư số 127/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 5 tháng 9 năm 2014, hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần ("Thông tư 127").

Theo đó, bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam. Các dữ liệu tương ứng của báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 và các thuyết minh báo cáo tài chính đi kèm được trình bày cho mục đích cung cấp thông tin và không mang tính so sánh.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chứng từ

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12. Công ty chính thức chuyển đổi hình thức từ công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần kể từ ngày 3 tháng 3 năm 2015, do vậy kỳ kế toán hiện hành của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 năm 2014 và kết thúc ngày 3 tháng 3 năm 2015.

2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VNĐ.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Hàng hóa, nguyên vật liệu và công cụ, dụng cụ	- chi phí mua theo phương pháp nhập trước xuất trước.
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	- giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan.
Hàng hóa bất động sản	- chi phí mua theo phương pháp thực tế đích danh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 3 tháng 3 năm 2015 và cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 1 năm 2014 đến ngày 3 tháng 3 năm 2015

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.2 Hàng tồn kho (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, hàng hóa và hàng hóa bất động sản thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.4 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

Công ty là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là tài sản cố định trên bảng cân đối kế toán. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thu nhập từ tiền cho thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

3.5 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 3 tháng 3 năm 2015 và cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 1 năm 2014 đến ngày 3 tháng 3 năm 2015

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được phản ánh theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	15 – 27 năm
Máy móc và thiết bị	3 – 10 năm
Phương tiện vận tải	6 – 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 – 7 năm
Phần mềm máy tính	3 – 4 năm

3.8 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	25 năm
--------------------------	--------

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

3.9 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí trong năm khi phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 3 tháng 3 năm 2015 và cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 1 năm 2014 đến ngày 3 tháng 3 năm 2015

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.11 Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

3.12 Đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác

Đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

3.13 Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành lần lượt vào ngày 7 tháng 12 năm 2009 và ngày 28 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 1 năm 2014 đến ngày 3 tháng 3 năm 2015, Công ty đã áp dụng Mục 1 và Mục 4, Điều 10, Thông tư 127, khi lập báo cáo tài chính tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần, Công ty không phải trích lập dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính. Theo đó, Công ty thực hiện định giá lại các khoản đầu tư tài chính đã xác định trong giá trị doanh nghiệp khi cổ phần hóa; tổng giá trị các khoản đầu tư tài chính phát sinh tăng hoặc giảm so với giá đang hạch toán trên sổ kế toán thì được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.14 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.15 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty (VNĐ) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản tại thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 3 tháng 3 năm 2015 và cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 1 năm 2014 đến ngày 3 tháng 3 năm 2015

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu hàng hóa bất động sản

Một bất động sản được xem như là đã bán khi các rủi ro trọng yếu và lợi ích chuyển sang cho người mua, mà thông thường là cho hợp đồng không có điều kiện trao đổi. Đối với trường hợp có điều kiện trao đổi, doanh thu chỉ được ghi nhận khi các điều kiện chủ yếu được đáp ứng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi hoàn thành cung cấp dịch vụ cho khách hàng.

Doanh thu cho thuê

Doanh thu từ cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

3.17 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho hoặc được thu hồi từ cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 3 tháng 3 năm 2015 và cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 1 năm 2014 đến ngày 3 tháng 3 năm 2015

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải nộp được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế.

3.18 Công cụ tài chính

Công cụ tài chính – Ghi nhận ban đầu và trình bày

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009 hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, ký cược và các công cụ tài chính chưa niêm yết.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 3 tháng 3 năm 2015 và cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 1 năm 2014
đến ngày 3 tháng 3 năm 2015

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Công cụ tài chính (tiếp theo)

Công cụ tài chính – Ghi nhận ban đầu và trình bày (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, hoặc các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các nợ phải trả tài chính thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá trừ các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác, và các khoản vay.

Công cụ tài chính – Giá sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại Thông tư 210 không có hướng dẫn về việc xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Do đó giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính đang được phản ánh theo nguyên giá.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán nếu, và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 3 tháng 3 năm 2015 và cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 1 năm 2014
đến ngày 3 tháng 3 năm 2015

4. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP CHO MỤC ĐÍCH CỔ PHẦN HÓA

Căn cứ vào Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp Công ty TNHH Một Thành viên Dịch vụ Du lịch Bến Thành số 03/2014/BB-CF.VCSC ngày 9 tháng 7 năm 2014, Công văn số 647/TCDN-TM ngày 15 tháng 8 năm 2014 của Chi cục Tài chính Doanh nghiệp và Quyết định số 4368/QĐ-UBND ngày 30 tháng 8 năm 2014 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa Công ty TNHH Một Thành viên Dịch vụ Du lịch Bến Thành, kết quả xác định giá trị doanh nghiệp tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 như sau:

Khoản mục	VNĐ		
	Số liệu sổ sách kế toán	Số liệu xác định lại	Chênh lệch
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	93.030.928.175	93.030.928.175	-
2. Khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	70.000.000.000	70.000.000.000	-
3. Các khoản phải thu ngắn hạn	100.425.433.882	104.362.431.376	3.936.997.494
<i>Trong đó:</i>			
<i>Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi</i>	(3.936.997.494)	-	3.936.997.494
4. Hàng tồn kho	18.625.881.454	18.625.881.454	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	6.737.743.889	7.140.904.502	403.160.613
6. Tài sản cố định	69.146.513.260	89.751.161.729	20.604.648.469
- <i>Tài sản cố định hữu hình (*)</i>	48.496.138.220	71.296.758.507	22.800.620.287
- <i>Tài sản cố định vô hình</i>	336.593.768	336.593.768	-
- <i>Chi phí xây dựng cơ bản dở dang (*)</i>	20.313.781.272	18.117.809.454	(2.195.971.818)
7. Đầu tư vào công ty liên kết (**)	85.910.000.000	88.293.614.817	2.383.614.817
8. Đầu tư dài hạn khác (**)	73.819.235.000	74.140.869.323	321.634.323
9. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(11.944.000.000)	-	11.944.000.000
10. Chi phí trả trước dài hạn	4.183.460.722	39.559.576.614	35.376.115.892
- <i>Giá trị lợi thế kinh doanh</i>	-	34.962.016.919	34.962.016.919
- <i>Chi phí công cụ, dụng cụ</i>	3.124.626.315	4.362.162.309	1.237.535.994
- <i>Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định (*)</i>	1.058.834.407	235.397.386	(823.437.021)
11. Ký quỹ, ký cược	261.025.000	261.025.000	-
TỔNG CỘNG	510.196.221.382	585.166.392.990	74.970.171.608

(*) Tăng thuần của tài sản cố định hữu hình khi xác định giá trị doanh nghiệp là 19.781.211.448 VNĐ (Thuyết minh số 13).

(**) Tăng các khoản đầu tư khi xác định giá trị doanh nghiệp là 2.705.249.140 VNĐ (Thuyết minh số 17.4).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 3 tháng 3 năm 2015 và cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 1 năm 2014
đến ngày 3 tháng 3 năm 2015

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VNĐ	
	Ngày 3 tháng 3 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2013
Tiền mặt	816.545.874	606.031.300
Tiền gửi ngân hàng	285.042.231.276	27.385.178.175
Tiền đang chuyển	10.681.660	39.718.700
Các khoản tương đương tiền	120.000.000.000	65.000.000.000
TỔNG CỘNG	405.869.458.810	93.030.928.175

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc dưới ba (3) tháng tại các ngân hàng thương mại và hưởng lãi suất 4,0% – 5,4% một năm.

Các giao dịch trọng yếu trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ như sau:

- (i) Các điều chỉnh tăng tài sản theo biên bản xác định giá trị doanh nghiệp của Công ty để cổ phần hóa không bao gồm trong lưu chuyển tiền tệ với số tiền là 74.970.171.608 VNĐ (Thuyết minh số 4).
- (ii) Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh bao gồm khoản phải trả Nhà nước từ việc bán 51% vốn điều lệ, thuộc sở hữu của Nhà nước khi cổ phần hóa với số tiền là 267.691.700.000 VNĐ và phải trả khoản chênh lệch phát sinh do xác định giá trị doanh nghiệp với số tiền là 74.970.171.608 VNĐ (Thuyết minh số 22).

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	VNĐ	
	Ngày 3 tháng 3 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2013
Bên thứ ba	29.094.116.146	13.895.889.279
Bên liên quan (Thuyết minh số 34)	10.424.610.400	7.405.067.406
TỔNG CỘNG	39.518.726.546	21.300.956.685

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	VNĐ	
	Ngày 3 tháng 3 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2013
Bên thứ ba	10.775.986.020	17.158.276.695
Bên liên quan	-	185.000.000
TỔNG CỘNG	10.775.986.020	17.343.276.695

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	VNĐ	
	Ngày 3 tháng 3 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2013
Bên liên quan (Thuyết minh số 34)	16.950.387.550	64.219.294.036
Bên thứ ba	872.753.677	1.498.903.960
Phải thu chi phí cổ phần hóa	496.500.000	-
TỔNG CỘNG	18.319.641.227	65.718.197.996

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 3 tháng 3 năm 2015 và cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 1 năm 2014
đến ngày 3 tháng 3 năm 2015

9. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

VNĐ

	Cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 1 năm 2014 đến ngày 3 tháng 3 năm 2015	Năm trước
Số đầu kỳ	3.936.997.494	3.508.426.700
Dự phòng trích lập trong kỳ	-	1.122.997.494
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	-	(694.426.700)
Giảm do xác định giá trị doanh nghiệp (Thuyết minh số 4)	(3.936.997.494)	-
Số cuối kỳ	-	3.936.997.494

10. HÀNG TỒN KHO

VNĐ

	Ngày 3 tháng 3 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2013
Bất động sản sẵn sàng để bán	8.888.525.718	8.888.525.718
Hàng hóa	7.302.781.223	4.413.558.426
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	5.682.884.416	4.555.359.873
Công cụ, dụng cụ	662.646.746	613.494.025
Nguyên vật liệu	217.669.907	154.943.412
TỔNG CỘNG	22.754.508.010	18.625.881.454

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

VNĐ

	Ngày 3 tháng 3 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2013
Chi phí quảng cáo	1.642.342.180	72.997.000
Công cụ, dụng cụ	606.348.917	566.592.366
Khác	944.663.457	1.218.034.238
TỔNG CỘNG	3.193.354.554	1.857.623.604

12. THUẾ VÀ KHOẢN KHÁC PHẢI THU NHÀ NƯỚC

Thuế và khoản khác phải thu Nhà nước thể hiện khoản tiền thuê đất đã nộp thừa.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Bến Thành

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 3 tháng 3 năm 2015 và cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 1 năm 2014
đến ngày 3 tháng 3 năm 2015

13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	VNĐ Tổng cộng
Nguyên giá:					
Ngày 31 tháng 12 năm 2013	87.630.293.841	11.708.830.438	10.061.139.733	2.624.347.269	112.024.611.281
Mua trong kỳ	-	75.850.000	401.621.773	989.000.000	1.466.471.773
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	17.705.433.402	2.983.782.818	-	127.749.160	20.816.965.380
Tăng (giảm) do xác định giá trị doanh nghiệp (*)	19.330.895.883	(637.545.455)	-	-	18.693.350.428
Thanh lý	-	(35.000.000)	-	(65.320.000)	(100.320.000)
Ngày 3 tháng 3 năm 2015	124.666.623.126	14.095.917.801	10.462.761.506	3.675.776.429	152.901.078.862
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	3.663.851.206	1.576.224.641	1.833.367.309	106.569.330	7.180.012.486
Giá trị khấu hao lũy kế:					
Ngày 31 tháng 12 năm 2013	45.682.276.038	8.162.536.398	8.273.058.990	1.410.601.635	63.528.473.061
Khấu hao trong kỳ	6.500.698.312	1.337.090.431	1.236.301.494	536.504.214	9.610.594.451
Tăng (giảm) do xác định giá trị doanh nghiệp (*)	1.664.401.465	(1.409.112.843)	(1.185.153.641)	(157.996.001)	(1.087.861.020)
Thanh lý	-	(16.916.666)	-	(54.479.310)	(71.395.976)
Ngày 3 tháng 3 năm 2015	53.847.375.815	8.073.597.320	8.324.206.843	1.734.630.538	71.979.810.516
Giá trị còn lại:					
Ngày 31 tháng 12 năm 2013	41.948.017.803	3.546.294.040	1.788.080.743	1.213.745.634	48.496.138.220
Ngày 3 tháng 3 năm 2015	70.819.247.311	6.022.320.481	2.138.554.663	1.941.145.891	80.921.268.346
Trong đó:					
Tài sản sử dụng để thế chấp (Thuyết minh số 25)	10.081.398.951	-	-	-	10.081.398.951

(*) Tăng thuần khi xác định giá trị doanh nghiệp là 19.781.211.448 VNĐ (Thuyết minh số 4).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 3 tháng 3 năm 2015 và cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 1 năm 2014
đến ngày 3 tháng 3 năm 2015

14. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	VNĐ
	<i>Phần mềm máy tính</i>
Nguyên giá:	
Ngày 31 tháng 12 năm 2013	759.060.000
Mua trong kỳ	<u>355.899.801</u>
Ngày 3 tháng 3 năm 2015	<u>1.114.959.801</u>
Trong đó:	
<i>Đã hao mòn hết</i>	<u>270.238.000</u>
Giá trị hao mòn lũy kế:	
Ngày 31 tháng 12 năm 2013	422.466.232
Hao mòn trong kỳ	<u>182.116.245</u>
Ngày 3 tháng 3 năm 2015	<u>604.582.477</u>
Giá trị còn lại:	
Ngày 31 tháng 12 năm 2013	<u>336.593.768</u>
Ngày 3 tháng 3 năm 2015	<u>510.377.324</u>

15. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	VNĐ	
	<i>Ngày 3 tháng 3 năm 2015</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2013</i>
Công trình xây dựng tại các chi nhánh	788.736.364	20.010.267.472
Phát triển phần mềm	<u>685.133.800</u>	<u>303.513.800</u>
TỔNG CỘNG	<u>1.473.870.164</u>	<u>20.313.781.272</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 3 tháng 3 năm 2015 và cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 1 năm 2014
đến ngày 3 tháng 3 năm 2015

16. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

VNĐ

Nhà cửa và
vật kiến trúc

Nguyên giá:

Ngày 31 tháng 12 năm 2013	-
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	19.406.894.819
Ngày 3 tháng 3 năm 2015	19.406.894.819

Giá trị khấu hao lũy kế:

Ngày 31 tháng 12 năm 2013	-
Khấu hao trong kỳ	858.586.678
Ngày 3 tháng 3 năm 2015	858.586.678

Giá trị còn lại:

Ngày 31 tháng 12 năm 2013	-
Ngày 3 tháng 3 năm 2015	18.548.308.141

Bất động sản đầu tư thể hiện giá trị tòa nhà văn phòng tại số 55 Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư này chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 3 tháng 3 năm 2015. Tuy nhiên, Ban Giám đốc tin tưởng rằng giá trị hợp lý của tài sản đầu tư tương đương giá trị ghi sổ tại ngày này.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Bến Thành

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 3 tháng 3 năm 2015 và cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 1 năm 2014
đến ngày 3 tháng 3 năm 2015

17. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

17.1 Đầu tư vào công ty liên kết

Tên công ty	Hoạt động chính	Ngày 3 tháng 3 năm 2015		Ngày 31 tháng 12 năm 2013		Địa điểm
		tỷ lệ sở hữu	Giá trị đầu tư VNĐ	tỷ lệ sở hữu	Giá trị đầu tư VNĐ	
Công ty TNHH Khách sạn Bến Thành Đồng Khởi Boutique	Dịch vụ nhà hàng và khách sạn	40,00%	36.000.000.000	50,00%	45.000.000.000	Thành phố Hồ Chí Minh
Công ty TNHH Du lịch Bến Thành – Phú Xuân (*)	Dịch vụ du lịch và khách sạn	43,33%	24.278.147.833	43,33%	32.500.000.000	Thành phố Huế
Công ty TNHH Căn hộ Cho thuê nhà Phong Lan (*)	Dịch vụ	44,44%	5.211.535.774	44,44%	4.000.000.000	Thành phố Hồ Chí Minh
Công ty Cổ phần Thương mại Sản xuất Bến Thành (*)	Kinh doanh hóa chất	33,33%	3.896.248.602	33,33%	2.400.000.000	Thành phố Hồ Chí Minh
Công ty Cổ phần Thực phẩm Bạch Đằng (*)	Sản xuất và kinh doanh thực phẩm	30,00%	1.561.200.000	30,00%	1.200.000.000	Thành phố Hồ Chí Minh
Công ty TNHH Bến Thành – Phương Thảo	Dịch vụ	-	-	30,00%	360.000.000	Thành phố Hồ Chí Minh
Công ty TNHH Bến Thành – Lợi Vượng Thành	Dịch vụ nhà hàng	-	-	30,00%	300.000.000	Thành phố Hồ Chí Minh
Công ty Cổ phần One Mart	Dịch vụ	-	-	30,00%	150.000.000	Thành phố Hồ Chí Minh
TỔNG CỘNG			70.947.132.209		85.910.000.000	

(*) Giá trị ghi sổ các khoản đầu tư này được ghi nhận theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và sau đó được định giá lại tại ngày 3 tháng 3 năm 2015 theo Thông tư 127 (Thuyết minh số 17.4).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 3 tháng 3 năm 2015 và cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 1 năm 2014
đến ngày 3 tháng 3 năm 2015

17. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

17.2 Đầu tư dài hạn khác

Tên công ty	Ngày 3 tháng 3 năm 2015		Ngày 31 tháng 12 năm 2013	
	Số lượng cổ phần	Giá trị đầu tư VNĐ	Số lượng cổ phần	Giá trị đầu tư VNĐ
Công ty Cổ phần Du lịch Huế (*)	830.281	7.182.926.938	830.281	8.293.575.000
Công ty Cổ phần Du lịch Bến Thành Non Nước (*)	60.000	6.497.046.687	40.000	4.000.000.000
Công ty Cổ phần Bến Thành Mũi Né (*)	288.000	2.636.944.560	240.000	2.600.000.000
Công ty Cổ phần Bến Thành Long Hải (*)	322.525	2.479.405.713	322.525	3.160.500.000
Công ty Cổ phần Khách sạn Du lịch Tháng Mười	6.030	313.560.000	6.030	313.560.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông (**)	-	-	3.979.668	35.239.100.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Bến Thành (**)	-	-	2.425.500	20.212.500.000
TỔNG CỘNG		19.109.883.898		73.819.235.000

(*) Giá trị ghi sổ các khoản đầu tư này được ghi nhận theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và sau đó được định giá lại tại ngày 3 tháng 3 năm 2015 theo Thông tư 127 (Thuyết minh số 17.4).

(**) Theo Nghị quyết số 06/NQ-HĐTV ngày 3 tháng 3 năm 2014 của Hội đồng Thành viên Tổng Công ty và Công văn số 1676/UBND-CNN ngày 21 tháng 4 năm 2014 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, các khoản đầu tư này đã được chuyển về Tổng Công ty theo giá gốc, giảm vốn điều lệ của Công ty xuống 55.451.600.000 VNĐ (Thuyết minh số 27.1).

17.3 Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

	VNĐ	
	Cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 1 năm 2014 đến ngày 3 tháng 3 năm 2015	Năm trước
Số đầu năm	11.944.000.000	19.251.000.000
Dự phòng trích lập trong kỳ	-	2.959.000.000
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	-	(10.266.000.000)
Giảm do xác định giá trị doanh nghiệp (Thuyết minh số 4)	(11.944.000.000)	-
Số cuối kỳ	-	11.944.000.000

Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Bến Thành

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 3 tháng 3 năm 2015 và cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 1 năm 2014
đến ngày 3 tháng 3 năm 2015

17. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

17.4 Chi tiết thay đổi các khoản đầu tư tài chính

Tên công ty	Giá trị ghi sổ trước khi xác định giá trị doanh nghiệp	Chênh lệch khi xác định giá trị doanh nghiệp (Thuyết minh số 4)	Chênh lệch khi định giá lại (*)	Số liệu sau khi định giá lại tại ngày 3 tháng 3 năm 2015
Công ty TNHH Du lịch Bến Thành – Phú Xuân	32.500.000.000	-	(8.221.852.167)	24.278.147.833
Công ty Cổ phần Du lịch Huế	8.320.455.000	-	(1.137.528.062)	7.182.926.938
Công ty Cổ phần Du lịch Bến Thành Non Nước	6.000.000.000	321.634.323	175.412.364	6.497.046.687
Công ty TNHH Căn hộ Cho thuê nhà Phong Lan	4.000.000.000	364.143.639	847.392.135	5.211.535.774
Công ty Cổ phần Bến Thành Long Hải	3.160.500.000	-	(681.094.287)	2.479.405.713
Công ty Cổ phần Bến Thành Mũi Né	3.080.000.000	-	(443.055.440)	2.636.944.560
Công ty Cổ phần Thương mại Sản xuất Bến Thành	2.400.000.000	1.592.225.887	(95.977.285)	3.896.248.602
Công ty Cổ phần Thực phẩm Bạch Đằng	1.200.000.000	427.245.291	(66.045.291)	1.561.200.000
TỔNG CỘNG	60.660.955.000	2.705.249.140	(9.622.748.033)	53.743.456.107

(*) Các khoản đầu tư này được định giá lại theo Thông tư 127 và chưa được Ban chỉ đạo cổ phần hóa chỉnh thức phê duyệt tại ngày lập báo cáo tài chính này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 3 tháng 3 năm 2015 và cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 1 năm 2014
đến ngày 3 tháng 3 năm 2015

18. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	VNĐ	
	Ngày 3 tháng 3 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2013
Lợi thế kinh doanh phát sinh từ cổ phần hóa (Thuyết minh số 4)	34.962.016.919	-
Công cụ, dụng cụ	6.686.010.062	3.124.626.315
Khác	946.341.011	1.055.728.271
TỔNG CỘNG	42.594.367.992	4.180.354.586

19. VAY NGẮN HẠN

	VNĐ	
	Ngày 3 tháng 3 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2013
Vay ngắn hạn ngân hàng	21.405.264.289	13.065.822.495
Vay ngắn hạn khác	-	400.000.000
TỔNG CỘNG	21.405.264.289	13.465.822.495

Chi tiết khoản vay ngắn hạn ngân hàng như sau:

	Ngày 3 tháng 3 năm 2015	Ngày đáo hạn	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
	VNĐ			
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	21.405.264.289	Từ ngày 30 tháng 3 năm 2015 đến ngày 1 tháng 6 năm 2015	7,5%	Tín chấp

Công ty sử dụng khoản vay này nhằm mục đích bổ sung nhu cầu vốn lưu động.

20. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VNĐ	
	Ngày 3 tháng 3 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2013
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 33.2)	805.713.952	12.830.709.743
Thuế thu nhập cá nhân	388.796.253	62.495.960
Thuế giá trị gia tăng	374.751.730	694.760.667
TỔNG CỘNG	1.569.261.935	13.587.966.370

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 3 tháng 3 năm 2015 và cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 1 năm 2014
đến ngày 3 tháng 3 năm 2015

21. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	VNĐ	
	Ngày 3 tháng 3 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2013
Chi phí thuê nhà, đất	811.169.886	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	485.497.273	-
Phí dịch vụ chuyên nghiệp	444.863.636	180.000.000
Chi phí dịch vụ du lịch	150.534.130	462.039.031
Chi phí khác	828.513.683	645.388.051
TỔNG CỘNG	2.720.578.608	1.287.427.082

22. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC

	VNĐ	
	Ngày 3 tháng 3 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2013
Phải trả do cổ phần hóa (Thuyết minh số 5)	342.661.871.608	-
Phải trả do điều chỉnh vốn góp	14.548.400.000	-
Phải nộp lợi nhuận	15.796.131.965	42.929.245.664
Khác	3.488.711.356	24.582.841.041
TỔNG CỘNG	376.495.114.929	67.512.086.705

Trong các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác bao gồm khoản phải trả, phải nộp cho các bên liên quan là 373.647.203.588 VNĐ (Thuyết minh số 34).

23. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	VNĐ	
	Ngày 3 tháng 3 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2013
Số đầu năm	10.253.457.088	5.353.195.509
Trích lập quỹ (Thuyết minh số 27.1)	10.986.000.000	13.387.500.000
Thưởng từ Tổng Công ty	89.180.000	-
Sử dụng quỹ trong kỳ	(15.976.041.509)	(8.487.238.421)
Số cuối kỳ	5.352.595.579	10.253.457.088

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 3 tháng 3 năm 2015 và cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 1 năm 2014
đến ngày 3 tháng 3 năm 2015

24. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

Phải trả dài hạn khác thể hiện khoản nhận ký quỹ, ký cược dài hạn từ cho thuê mặt bằng và văn phòng. Chi tiết như sau:

	VNĐ	
	Ngày 3 tháng 3 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2013
Bên thứ ba	16.184.458.600	15.569.215.440
Bên liên quan (Thuyết minh số 34)	450.000.000	1.731.000.000
TỔNG CỘNG	16.634.458.600	17.300.215.440

25. VAY DÀI HẠN

	VNĐ	
	Ngày 3 tháng 3 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2013
Vay dài hạn ngân hàng	3.735.229.846	-

Chi tiết khoản vay dài hạn ngân hàng như sau:

	Ngày 3 tháng 3 năm 2015	Ngày đáo hạn	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
	VNĐ			
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	3.735.229.846	60 tháng kể từ ngày 4 tháng 12 năm 2014	10,6%, được điều chỉnh 3 tháng một lần	Nhà cửa (Thuyết minh số 13)

Công ty sử dụng khoản vay này nhằm mục đích đầu tư xây dựng tài sản cố định.

26. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	VNĐ	
	Ngày 3 tháng 3 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2013
Doanh thu cho thuê bất động sản đầu tư (*)	18.706.470.590	-
Doanh thu dịch vụ du lịch	1.966.675.717	480.818.181
TỔNG CỘNG	20.673.146.307	480.818.181

(*) Đây là khoản tiền thuê dài hạn nhận trước của Công ty TNHH Một Thành viên Dịch vụ Du lịch Tiến Lợi về việc cho thuê tòa nhà văn phòng tại số 55 Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Bến Thành

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 3 tháng 3 năm 2015 và cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 1 năm 2014
đến ngày 3 tháng 3 năm 2015

27. VỐN CHỦ SỞ HỮU

27.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ đã góp	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
						VNĐ
Năm trước:						
Ngày 31 tháng 12 năm 2012	190.000.000.000	-	2.730.487.098	8.148.049.484	-	200.878.536.582
Tăng vốn từ khoản phải trả Nhà nước	109.220.584.000	-	-	-	-	109.220.584.000
Tăng vốn từ nguồn khác	20.779.416.000	-	(2.730.487.098)	-	-	18.048.928.902
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	63.677.245.664	63.677.245.664
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(13.387.500.000)	(13.387.500.000)
Chuyển lợi nhuận về Tổng Công ty	-	-	-	-	(42.929.245.664)	(42.929.245.664)
Ngày 31 tháng 12 năm 2013	320.000.000.000	-	-	8.148.049.484	7.360.500.000	335.508.549.484
Kỳ này:						
Ngày 31 tháng 12 năm 2013	320.000.000.000	-	-	8.148.049.484	7.360.500.000	335.508.549.484
Chênh lệch đánh giá lại tài sản (Thuyết minh số 4)	-	74.970.171.608	-	-	-	74.970.171.608
Giảm vốn (*)	(70.000.000.000)	-	-	-	-	(70.000.000.000)
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	26.782.131.965	26.782.131.965
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(10.986.000.000)	(10.986.000.000)
Chuyển về Tổng Công ty	-	-	-	(8.148.049.484)	(23.156.631.965)	(31.304.681.449)
Phải trả Nhà nước	-	(74.970.171.608)	-	-	-	(74.970.171.608)
Ngày 3 tháng 3 năm 2015	250.000.000.000	-	-	-	-	250.000.000.000

(*) Khoản này bao gồm phần vốn giảm do chuyển các khoản đầu tư tài chính dài hạn về Tổng Công ty với số tiền là 55.451.600.000 VNĐ (Thuyết minh số 17.2) và khoản chênh lệch giữa số vốn đã góp và vốn điều lệ đã phê duyệt là 250.000.000.000 VNĐ theo Quyết định số 5288/QĐ-UBND của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ngày 27 tháng 10 năm 2014 và Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh thay đổi lần thứ 17 ngày 3 tháng 3 năm 2015 với số tiền là 14.548.400.000 VNĐ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 3 tháng 3 năm 2015 và cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 1 năm 2014
đến ngày 3 tháng 3 năm 2015

27. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

27.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Ngày 3 tháng 3 năm 2015		Ngày 31 tháng 12 năm 2013
	Số lượng cổ phiếu	Số tiền VNĐ	Số tiền VNĐ
Tổng Công ty	12.250.000	122.500.000.000	320.000.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại Địa ốc Việt	2.932.350	29.323.500.000	-
Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Phan Thành	3.000.000	30.000.000.000	-
Các cổ đông khác	6.817.650	68.176.500.000	-
TỔNG CỘNG	25.000.000	250.000.000.000	320.000.000.000

28. DOANH THU

28.1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 1 năm 2014 đến ngày 3 tháng 3 năm 2015	Năm trước
	VNĐ	
Tổng doanh thu	601.873.836.774	455.116.734.171
Trong đó:		
Doanh thu dịch vụ du lịch	398.985.956.659	279.670.981.000
Doanh thu bán hàng hóa	72.900.176.200	71.468.236.281
Doanh thu cho thuê	50.593.312.312	41.733.111.998
Doanh thu dịch vụ nhà hàng	37.974.263.115	28.379.707.186
Doanh thu dịch vụ khách sạn	32.057.875.139	26.787.663.269
Doanh thu từ dịch vụ khác	9.362.253.349	7.077.034.437
Khoản giảm trừ doanh thu		
Hàng bán bị trả lại	(544.705.365)	-
Doanh thu thuần	601.329.131.409	455.116.734.171
Trong đó:		
Doanh thu dịch vụ du lịch	398.441.251.294	279.670.981.000
Doanh thu bán hàng hóa	72.900.176.200	71.468.236.281
Doanh thu cho thuê	50.593.312.312	41.733.111.998
Doanh thu dịch vụ nhà hàng	37.974.263.115	28.379.707.186
Doanh thu dịch vụ khách sạn	32.057.875.139	26.787.663.269
Doanh thu từ dịch vụ khác	9.362.253.349	7.077.034.437

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 3 tháng 3 năm 2015 và cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 1 năm 2014
đến ngày 3 tháng 3 năm 2015

28. DOANH THU (tiếp theo)

28.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VNĐ	
	Cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 1 năm 2014 đến ngày 3 tháng 3 năm 2015	Năm trước
Lãi tiền gửi	12.839.703.985	13.919.733.728
Cổ tức, lợi nhuận được chia	6.110.031.270	5.256.426.863
Lợi nhuận từ chuyển nhượng khoản đầu tư	3.150.000.000	110.000.000
Chênh lệch do đánh giá lại theo Thông tư 127	1.436.420.765	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	208.866.265	231.160.275
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	5.708.904
Doanh thu hoạt động tài chính khác	80.624.554	32.515.725
TỔNG CỘNG	23.825.646.839	19.555.545.495

29. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	VNĐ	
	Cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 1 năm 2014 đến ngày 3 tháng 3 năm 2015	Năm trước
Giá vốn dịch vụ du lịch	374.351.327.284	259.849.499.313
Giá vốn hàng hóa	69.295.368.446	69.415.811.944
Giá vốn cho thuê	3.727.784.000	3.422.034.000
Giá vốn dịch vụ nhà hàng	16.074.645.083	13.342.911.519
Giá vốn dịch vụ khách sạn	28.068.703.000	23.205.325.392
Khác	103.688.768	94.884.886
TỔNG CỘNG	491.621.516.581	369.330.467.054

30. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VNĐ	
	Cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 1 năm 2014 đến ngày 3 tháng 3 năm 2015	Năm trước
Chênh lệch do đánh giá lại theo Thông tư 127	11.059.168.798	-
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	-	(7.307.000.000)
Chi phí lãi vay	1.327.112.414	792.426.590
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	409.602.220	327.059.706
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	600.960
Chi phí tài chính khác	38.784.300	9.407.316
TỔNG CỘNG	12.834.667.732	(6.177.505.428)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 3 tháng 3 năm 2015 và cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 1 năm 2014
đến ngày 3 tháng 3 năm 2015

31. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

VNĐ

	Cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 1 năm 2014 đến ngày 3 tháng 3 năm 2015	Năm trước
Thu nhập khác	5.339.499.276	62.218.452.138
Thu nhập từ cho thuê đất	3.408.264.757	-
Thu nhập từ phạt hợp đồng	320.587.823	442.104.561
Thu nhập từ bồi thường di dời mặt bằng	-	22.500.000.000
Phân bổ thu nhập từ đánh giá lại tài sản góp vốn (*)	-	21.205.052.819
Hoàn nhập tiền thuê đất	-	15.633.077.519
Thu nhập khác	1.610.646.696	2.438.217.239
Chi phí khác	(1.777.485.488)	(607.455.573)
Chi phí thuê đất	(1.093.573.590)	-
Tiền phạt thuế	(473.759.028)	-
Chi phí khác	(210.152.870)	(607.455.573)
LỢI NHUẬN KHÁC	3.562.013.788	61.610.996.565

(*) Công ty đã thực hiện góp vốn vào dự án Khách sạn Đồng Khởi Boutique bằng quyền sử dụng đất và toàn bộ giá trị tài sản gắn liền với đất tại số 8 Hồ Huân Nghiệp, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Tổng giá trị còn lại của các tài sản này vào thời điểm góp vốn là 21.438.830.201 VNĐ trong khi giá trị đánh giá lại của các tài sản này là 45.000.000.000 VNĐ. Khoản chênh lệch 23.561.169.799 VNĐ được Công ty ghi nhận vào thu nhập khác trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho các năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 và ngày 31 tháng 12 năm 2013 với số tiền lần lượt là 2.356.116.980 VNĐ và 21.205.052.819 VNĐ.

32. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

VNĐ

	Cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 1 năm 2014 đến ngày 3 tháng 3 năm 2015	Năm trước
Chi phí dịch vụ mua ngoài	436.099.301.165	306.783.964.023
Chi phí nguyên vật liệu và hàng hóa	82.776.131.031	75.629.995.331
Chi phí lương	53.196.434.535	69.608.795.599
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định và bất động sản đầu tư (Thuyết minh số 13, 14 và 16)	10.651.297.374	7.276.511.877
TỔNG CỘNG	582.723.164.105	459.299.266.830

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 3 tháng 3 năm 2015 và cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 1 năm 2014
đến ngày 3 tháng 3 năm 2015

33. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Công ty là 22% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

33.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 1 năm 2014 đến ngày 3 tháng 3 năm 2015	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	6.386.578.573	19.477.146.992
(Thu nhập) chi phí thuế TNDN hoãn lại	(9.750.339)	7.122.173
TỔNG CỘNG	6.376.828.234	19.484.269.165

33.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện hành. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Dưới đây là bảng đối chiếu lợi nhuận trước thuế và thu nhập chịu thuế:

	Cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 1 năm 2014 đến ngày 3 tháng 3 năm 2015	Năm trước
Lợi nhuận trước thuế	33.158.960.199	83.161.514.829
<i>Các điều chỉnh:</i>		
Cổ tức được nhận	(6.110.031.270)	(5.256.426.863)
Chi phí không được trừ	715.700.001	31.988.692
Lợi nhuận đã chịu thuế năm trước	(2.171.669.226)	-
Thay đổi lợi nhuận của doanh thu chưa thực hiện	-	(28.488.692)
Thu nhập chịu thuế ước tính năm hiện hành	25.592.959.704	77.908.587.966
Thuế TNDN ước tính năm hiện hành	5.630.451.135	19.477.146.992
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu các năm trước	756.127.438	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	6.386.578.573	19.477.146.992
Thuế TNDN phải nộp đầu kỳ	12.830.709.743	4.639.313.257
Thuế TNDN đã nộp trong kỳ	(18.411.574.364)	(11.285.750.506)
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	805.713.952	12.830.709.743

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 3 tháng 3 năm 2015 và cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 1 năm 2014
đến ngày 3 tháng 3 năm 2015

33. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

33.3 Thuế thu nhập hoãn lại

Công ty đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại với các biến động trong kỳ báo cáo và năm trước như sau:

	Bảng cân đối kế toán		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	
	Ngày 3 tháng 3 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2013	Cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 1 năm 2014 đến ngày 3 tháng 3 năm 2015	Năm trước
Lợi nhuận của doanh thu chưa thực hiện	12.856.475	3.106.136	9.750.339	(7.122.173)
Tài sản thuế TNDN hoãn lại	12.856.475	3.106.136		
Thu nhập (chi phí) thuế thu nhập hoãn lại			9.750.339	(7.122.173)

34. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nghiệp vụ	Giá trị
Tổng Công ty	Công ty mẹ	Cung cấp dịch vụ Mua tài sản cố định Nhận dịch vụ	4.595.973.284 320.000.000 34.500.000
Công ty Cổ phần Văn hóa Tổng hợp Bến Thành	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ Mua hàng hóa	337.003.358 103.926.690
Công ty Cổ phần Du lịch Bến Thành Non Nước	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ Nhận dịch vụ Chi hộ	143.620.803 360.276.458 18.181.818
Công ty Cổ phần Bến Thành Long Hải	Bên liên quan	Nhận dịch vụ Cung cấp dịch vụ Chi hộ	415.785.467 18.006.545 23.181.818
Công ty Cổ phần Du lịch Huế	Bên liên quan	Nhận dịch vụ	101.296.364
Công ty Cổ phần Thương mại Phú Nhuận	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ Mua hàng hóa	396.827.273 38.958.183

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 3 tháng 3 năm 2015 và cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 1 năm 2014
đến ngày 3 tháng 3 năm 2015

34. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm (tiếp theo):

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nghiệp vụ</i>	<i>VNĐ Giá trị</i>
Công ty Cổ phần Bến Thành – Mũi Né	Bên liên quan	Nhận dịch vụ Cung cấp dịch vụ	241.757.278 20.843.301
Công ty TNHH Du lịch Bến Thành – Phú Xuân	Công ty liên kết	Nhận dịch vụ Cung cấp dịch vụ	494.794.913 108.981.905
Công ty TNHH Khách sạn Bến Thành Đồng Khởi Boutique	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ Nhận dịch vụ Cho mượn	3.414.316.174 475.000.000 13.201.296.318
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Khánh Hội	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ	391.369.812
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ	2.107.747.612
Công ty Cổ phần Công nghiệp và Thương mại Lidovit	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ	661.449.909
Công ty TNHH Sài Gòn Ô tô	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ	475.722.602
Công ty TNHH Căn hộ Cho thuê nhà Phong Lan	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ Nhận ứng trước lợi nhuận	659.993.079 640.800.015
Công ty cổ phần Thực phẩm Bạch Đằng	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ Chi hộ	2.600.000.000 5.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Kinh doanh Nhà Bến Thành	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ	290.168.074
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Bến Thành	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ Nhận dịch vụ	1.082.561.423 2.438.182
Công ty Cổ phần Thương mại Sản xuất Bến Thành	Bên liên quan	Bán hàng hóa Cung cấp dịch vụ Chi hộ	53.377.758.917 55.818.636 5.000.000
Công ty Liên doanh Khách sạn Sài Gòn Riverside	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ	980.976.253

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 3 tháng 3 năm 2015 và cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 1 năm 2014
đến ngày 3 tháng 3 năm 2015

34. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nghiệp vụ	VNĐ Phải thu (Phải trả)
Phải thu khách hàng			
Công ty Cổ phần Thương mại Sản xuất Bến Thành	Công ty liên kết	Bán hàng hóa	10.424.610.400
Các khoản phải thu khác			
Công ty TNHH Khách sạn Bến Thành Đồng Khởi Boutique	Công ty liên kết	Cho mượn	13.201.296.318
Tổng Công ty	Công ty mẹ	Tiền thuê đất	3.749.091.232
			16.950.387.550
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác			
Tổng Công ty	Công ty mẹ	Phải trả cổ phần hóa Giảm vốn góp Lợi nhuận phải trả	(342.661.871.608) (14.548.400.000) (15.796.131.965)
Công ty TNHH Căn hộ Cho thuê nhà Phong Lan	Công ty liên kết	Lợi nhuận được trả hơn	(640.800.015)
			(373.647.203.588)
Phải trả dài hạn khác			
Công ty Cổ phần Thực phẩm Bạch Đằng	Công ty liên kết	Đặt cọc thuê mặt bằng	(450.000.000)

35. CÁC CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty là bên đi thuê

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản chi phí thuê đất tối thiểu phải trả trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Ngày 3 tháng 3 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2013
Đến 1 năm	4.885.630.203	3.900.240.065
Trên 1 – 5 năm	12.666.590.601	8.511.475.080
Trên 5 năm	93.684.354.135	78.458.130.363
TỔNG CỘNG	111.236.574.939	90.869.845.508

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 3 tháng 3 năm 2015 và cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 1 năm 2014
đến ngày 3 tháng 3 năm 2015

35. CÁC CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)

Công ty là bên cho thuê

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản doanh thu cho thuê mặt bằng và văn phòng tối thiểu phải thu trong tương lai theo các hợp đồng cho thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VNĐ	
	Ngày 3 tháng 3 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2013
Đến 1 năm	18.695.393.541	31.864.514.492
Trên 1 – 5 năm	20.360.074.692	127.757.343.015
Trên 5 năm	53.768.100.000	75.695.474.775
TỔNG CỘNG	92.823.568.233	235.317.332.282

36. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản vay và các khoản phải trả. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty. Công ty có các khoản vay và nợ, phải trả người bán và các khoản phải trả khác, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, tiền và các khoản đầu tư ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Công ty không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có các loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro ngoại tệ và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, ký quỹ và các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 3 tháng 3 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Các phân tích độ nhạy này đã được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi và tỷ lệ tương quan giữa các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ là không thay đổi.

Khi tính toán các phân tích độ nhạy, Ban Giám đốc giả định rằng độ nhạy của các khoản mục có liên quan trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong giả định về rủi ro thị trường tương ứng dựa trên các tài sản và nợ phải trả tài chính mà Công ty nắm giữ tại ngày 3 tháng 3 năm 2015 và 31 tháng 12 năm 2013.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi, vay và nợ dài hạn với lãi suất thả nổi của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 3 tháng 3 năm 2015 và cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 1 năm 2014
đến ngày 3 tháng 3 năm 2015

36. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro thị trường (tiếp theo)

Độ nhạy đối với lãi suất

Độ nhạy của các khoản tiền gửi, vay và nợ đối với sự thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện như sau.

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, các biến động trong lãi suất của các khoản tiền gửi, vay với lãi suất thả nổi có ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế của Công ty như sau:

	<i>Tăng/giảm điểm cơ bản</i>	<i>Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế</i> <i>VNĐ</i>
Cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 1 năm 2014 đến ngày 3 tháng 3 năm 2015		
VNĐ	+200	2.325.295.403
VNĐ	-200	(2.325.295.403)
Năm trước		
VNĐ	+200	903.598.607
VNĐ	-200	(903.598.607)

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro giá trị thuần hoặc dòng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của Công ty.

Công ty không có quản lý rủi ro ngoại tệ vì rủi ro do thay đổi tỷ giá hối đoái của Công ty là không đáng kể tại ngày lập báo cáo.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận kế toán của Công ty theo chính sách của Công ty.

Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trong bảng cân đối kế toán tại mỗi kỳ lập báo cáo chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 3 tháng 3 năm 2015 và cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 1 năm 2014
đến ngày 3 tháng 3 năm 2015

36. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

			VNĐ
	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng cộng
Ngày 3 tháng 3 năm 2015			
Các khoản vay	21.405.264.289	3.735.229.846	25.140.494.135
Phải trả người bán	13.951.441.920	-	13.951.441.920
Phải trả bên liên quan	640.800.015	450.000.000	1.090.800.015
Các khoản phải trả khác và chi phí phải trả	5.462.982.081	16.184.458.600	21.647.440.681
TỔNG CỘNG	41.460.488.305	20.369.688.446	61.830.176.751
Ngày 31 tháng 12 năm 2013			
Các khoản vay	13.465.822.495	-	13.465.822.495
Phải trả người bán	4.922.966.090	-	4.922.966.090
Phải trả bên liên quan	45.301.045.679	-	45.301.045.679
Các khoản phải trả khác và chi phí phải trả	19.783.568.108	-	19.783.568.108
TỔNG CỘNG	83.473.402.372	-	83.473.402.372

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

Tài sản đảm bảo

Công ty đã sử dụng tài sản cố định hình thành từ vốn vay làm tài sản thế chấp cho khoản vay dài hạn từ ngân hàng như được trình bày tại Thuyết minh số 25. Không có các điều khoản quan trọng khác liên quan đến việc sử dụng tài sản thế chấp này.

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác vào ngày 3 tháng 3 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Bến Thành

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 3 tháng 3 năm 2015 và cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 1 năm 2014
đến ngày 3 tháng 3 năm 2015

37. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty:

	Giá trị ghi sổ			Giá trị hợp lý	
	Ngày 3 tháng 3 năm 2015		Ngày 31 tháng 12 năm 2013		VNĐ
	Nguyên giá	Dự phòng	Nguyên giá	Dự phòng	
Tài sản tài chính					
Các khoản tiền gửi có kỳ hạn	-	-	70.000.000.000	-	70.000.000.000
Các khoản đầu tư dài hạn vào cổ phiếu chưa niêm yết	19.109.883.898	-	73.819.235.000	(2.603.000.000)	71.216.235.000
Phải thu khách hàng	29.080.344.146	-	13.895.889.279	(3.936.997.494)	9.958.891.785
Phải thu từ bên liên quan	27.388.769.950	-	71.624.361.442	-	71.624.361.442
Các khoản phải thu khác	872.753.677	-	1.498.903.960	-	1.498.903.960
Ký quỹ, ký cược dài hạn	708.285.000	-	343.695.000	-	343.695.000
Tiền và các khoản tương đương tiền	405.869.458.810	-	93.030.928.175	-	93.030.928.175
TỔNG CỘNG	483.029.495.481	-	324.213.012.856	(6.539.997.494)	317.673.015.362
Nợ phải trả tài chính					
Các khoản vay	25.140.494.135	-	13.465.822.495	-	13.465.822.495
Phải trả người bán	13.951.441.920	-	4.922.966.090	-	4.922.966.090
Phải trả bên liên quan	1.090.800.015	-	45.301.045.679	-	45.301.045.679
Các khoản phải trả khác và chi phí phải trả	21.647.440.681	-	19.783.568.108	-	19.783.568.108
TỔNG CỘNG	61.830.176.751	-	83.473.402.372	-	83.473.402.372

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 3 tháng 3 năm 2015 và cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 1 năm 2014
đến ngày 3 tháng 3 năm 2015

37. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 3 tháng 3 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2013. Tuy nhiên, Ban Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và nợ phải trả tài chính này tương đương với giá trị ghi sổ của chúng vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

38. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính


Đường Ngọc Hương
Người lập


Nguyễn Ngọc Hoài Nguyên
Kế toán trưởng




Hoàng Tâm Hòa
Tổng Giám đốc

Ngày 19 tháng 5 năm 2015